

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều **55, 57, 58, 81, 82, 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **05** tháng **7** năm 2021;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **58/2021/TLST-HNGĐ** ngày **21** tháng **6** năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị N T N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: K, thị trấn T U, huyện Th U, tỉnh Lai Châu.

2. Anh T Q H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ 17, phường N T, quận L B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N T N và anh T Q H tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số **04/2020** ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cấp cho chị N T N và anh T Q H xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh T Q H và chị N T N **làm ăn và sinh sống tại thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu**. Sống chung hạnh phúc được **khoảng hơn một** năm thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng **5** năm 2021 đến nay. Ngày 17/6/2021 chị N T N và anh T Q H cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận chị N và anh H

thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **05 tháng 7 năm 2021** giữa chị N T N và anh T Q H xác định chị N và anh H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị N T N và anh T Q H xác nhận có một con chung chưa thành niên là Trần Quang N, sinh ngày 13/9/2020.

Anh T Q H và chị N T N thỏa thuận: Giao cho chị N T N là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Quang N cho đến khi cháu Nam thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N T N và anh T Q H **tự thỏa thuận**, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Do chị N T N và anh T Q H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về **cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung**. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con chung chưa thành niên do vậy cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N T N và anh T Q H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cho chị N T N là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Trần Quang Nam, sinh ngày 13/9/2020 cho đến khi **cháu Nam** thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T Q H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị N theo Quyết định của Tòa án. Chị N có quyền yêu cầu anh H cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh T Q H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự **tự thỏa thuận** không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng trong đó chị N T N và anh T Q H mỗi người phải chịu là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là để chị N T N nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Xác nhận, chị N T N đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/**2021**/0000**565** ngày 21/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA Dân sự huyện Than Uyên;
- UBND **thị trấn Than Uyên**;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng